

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B16QTH_ TRỪ KINH TẾ
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG VIỆT
MÃ HỌC PHẦN : COM - 102

ĐỢT HỌC 3
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
1	142337559	Đoàn Thị Ngọc	Yến	B16QTH1	7		7	8	8	7	0		8	6.8	Sau pháp Tâm		
2	152337730	Hồ Công	Tài	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
3	162330654	Bùi Tuấn	Anh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
4	162330657	Nguyễn Tuấn	Anh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
5	162330659	Phạm Thị Vân	Anh	B16QTH1	7		8	8	6.5	7	0		0	5.1	Nằm pháp Mất		
6	162330660	Nguyễn Văn	Ánh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
7	162330661	Võ Văn	Bền	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
8	162330662	Nguyễn Thành	Bi	B16QTH1	8		5	6.5	5.5	5.5	7		7	6.4	Sau pháp Bấu		
9	162330663	Nguyễn Thị Thanh	Bình	B16QTH1	5		0	7	7	0	7		7.5	5.1	Nằm pháp Mất		
10	162330664	Nguyễn Văn	Bình	B16QTH1	9.5		6	7.5	6	7.5	5		7	7.1	Báy pháp Mất		
11	162330666	Võ Hoàng Thái	Bình	B16QTH1	8		5	7.5	7	7	7		7	7.0	Báy		
12	162330667	Nguyễn Thị	Bông	B16QTH1	9.5		7	7	8	8	8		8	8.0	Tâm		
13	162330668	Nguyễn Thị Vũ	Cẩm	B16QTH1	8		8	8	5	7	7		7.5	7.2	Báy pháp Hai		
14	162330669	Huỳnh Lê Bảo	Châu	B16QTH1	9.5		7	7	8	8	7		7.5	7.8	Báy pháp Tâm		
15	162330673	Nguyễn Thành	Chung	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
16	162330674	Nguyễn Anh	Cương	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
17	162330676	Trương Văn	Cường	B16QTH1	9		6	5	6.5	7	7		7.5	6.9	Sau pháp Chên		
18	162330677	Nguyễn Thị	Diễm	B16QTH1	8.5		7.5	8	6.5	7	7		7.5	7.5	Báy pháp Nằm		
19	162330678	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
20	162330681	Phan Quốc	Din	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
21	162330690	Trần Thị	Dương	B16QTH1	10		8	7	7	7	6.5		8	7.7	Báy pháp Báy		
22	162330691	Phan Văn	Đại	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
23	162330693	Nguyễn Quốc	Đạt	B16QTH1	9		7	7	6.5	7	6		7.5	7.2	Báy pháp Hai		
24	162330699	Thái Văn	Đức	B16QTH1	8		5	8	6	7	6		7.5	7.0	Báy		
25	162330707	Nguyễn Thị	Hải	B16QTH1	8.5		7	7.5	7	8	7.5		7.5	7.6	Báy pháp Sau		
26	162330711	Bùi Thị Kim	Hằng	B16QTH1	10		8	9	7.5	8	8		8	8.4	Tâm pháp Bấu		
27	162330713	Phạm Tiên	Hằng	B16QTH1	8		5	8	7	7	7		7.5	7.2	Báy pháp Hai		
28	162330717	Võ Đức	Hiếu	B16QTH1	8		6.5	6	7	8	7.5		7	7.2	Báy pháp Hai		
29	162330720	Lê Minh	Hòa	B16QTH1	8		6	5.5	7	7	6		6.5	6.6	Sau pháp Sau		
30	162330721	Nguyễn Văn	Hòa	B16QTH1	7		7	0	7	7	7		7.5	6.1	Sau pháp Mất		
31	162330722	Phan Thị	Hòa	B16QTH1	10		8	7	7	7.5	8		8	7.9	Báy pháp Chên		
32	162330726	Trần Khải	Hoàn	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
33	162330728	Lê Xuân	Hoàng	B16QTH1	8.5		0	7	7	4	7		6	5.9	Nằm pháp Chên		
34	162330730	Trương	Hoàng	B16QTH1	9.5		6.5	7	7	7	8		7	7.4	Báy pháp Bấu		
35	162330732	Lê Thị Ánh	Hồng	B16QTH1	8.5		8.5	7.5	7	7	7		8	7.7	Báy pháp Báy		
36	162330735	Nguyễn Hữu	Hùng	B16QTH1	8		0	7	7	7	6.5		8	6.6	Sau pháp Sau		
37	162330738	Nguyễn Hữu	Huy	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
38	162330741	Đặng Ngọc	Khánh	B16QTH1	9.5		7	6.5	7	8	7		7	7.5	Báy pháp Nằm		
39	162330743	Lê Hồng	Khánh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
40	162330744	Lê Minh	Khánh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
41	162330747	Trần Anh	Khoa	B16QTH1	10		7	7.5	6.5	7	7.5		7	7.5	Báý pháý Nàm		
42	162330748	Nguyễn Thị Kim	Khuyên	B16QTH1	5		0	6.5	6.5	0	7		8	5.0	Nàm		
43	162330758	Nguyễn Văn	Liêm	B16QTH1	8		0	7	0	7.5	7		7	5.5	Nàm pháý Nàm		
44	162330759	Huỳnh Thị Thùy	Linh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
45	162330760	Kiều Nguyễn Hoài	Linh	B16QTH1	10		7.5	8	7	6	7		7.5	7.6	Báý pháý Sầu		
46	162330761	Ngô Lê Khánh	Linh	B16QTH1	10		7	7	7	7	7		8	7.7	Báý pháý Báý		
47	162330763	Phạm Thị Vỹ	Linh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
48	162330764	Đoàn Thị Ngọc	Loan	B16QTH1	10		8	8	8.5	7.5	9		9	8.6	Tằm pháý Sầu		
49	162330765	Nguyễn Phi	Long	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
50	162330769	Nguyễn Thị Kiều	Ly	B16QTH1	10		8	8.5	8	8	8		7.5	8.3	Tằm pháý Ba		
51	162330775	Châu Quốc	Min	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
52	162330776	Lê Thị Hồng	Minh	B16QTH1	8.5		7	7	6	8	3		7.5	6.9	Sầu pháý Chèn		
53	162330779	Lê Thị Tiểu	My	B16QTH1	10		7	7	8	8	8		7.5	8.0	Tằm		
54	162330781	Lê Thị Ngọc	Na	B16QTH1	9		8	6	6.5	7	7		8	7.4	Báý pháý Bấu		
55	162330786	Nguyễn Thị Thanh	Nga	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
56	162330791	Trương Tuấn	Nghĩa	B16QTH1	9		7	7	6	7	7		7.5	7.3	Báý pháý Ba		
57	162330792	Hồ Bảo	Ngọc	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
58	162330794	Lê Thị	Ngọc	B16QTH1	8.5		7	7	7	7	7		7.5	7.3	Báý pháý Ba		
59	162330795	Phạm Thị Bích	Ngọc	B16QTH1	10		7	8	5.5	7.5	7.5		7.5	7.6	Báý pháý Sầu		
60	162330796	Phùng Bảo	Ngọc	B16QTH1	9		8	7.5	8	8	8		8	8.1	Tằm pháý Mấu		
61	162330798	Trần Văn	Ngôn	B16QTH1	10		8	8.5	7	8	8		8	8.2	Tằm pháý Hai		
62	162330801	Đặng Minh	Nhật	B16QTH1	9		6.5	5	6	7	6.5		7	6.8	Sầu pháý Tằm		
63	162330802	Tôn Nữ Xuân	Nhi	B16QTH1	9		7	7.5	7	7	7		7	7.4	Báý pháý Bấu		
64	162330803	Nguyễn Thị	Nhung	B16QTH1	9		0	9	8	7	8		8	7.4	Báý pháý Bấu		
65	162330804	Hoàng Đình	Ninh	B16QTH1	7		0	4.5	7	7	0		7	5.2	Nàm pháý Hai		
66	162330811	Nguyễn Lê	Phước	B16QTH1	9		7	7	4	6	7		7.5	6.8	Sầu pháý Tằm		
67	162330814	Nguyễn Thị Hoài	Phương	B16QTH1	10		8	7	6	7.5	7.5		8.5	7.8	Báý pháý Tằm		
68	162330816	Phạm Hồng	Phương	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
69	162330818	Trần Thị Thu	Phương	B16QTH1	10		7	7	6.5	7	7		7	7.4	Báý pháý Bấu		
70	162330820	Nguyễn Văn	Quang	B16QTH1	9		8	7	6.5	7.5	5.5		6	7.1	Báý pháý Mấu		
71	162330821	Trần Đặng Lê	Quang	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
72	162330822	Trần Đình	Quang	B16QTH1	9.5		7	7	7	7	6.5		7	7.3	Báý pháý Ba		
73	162330823	Trần Nguyễn Hoài	Quang	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
74	162330827	Vô Thành	Quý	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
75	162330828	Hoàng Thị Mỹ	Quyên	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
76	162330833	Nguyễn Đình Cao	Sang	B16QTH1	9		7	8	7.5	7.5	8		7.5	7.8	Báý pháý Tằm		
77	162330834	Tôn Long	Sang	B16QTH1	9		6	7	6	6	5		6.5	6.6	Sầu pháý Sầu		
78	162330835	Huỳnh Văn	Sanh	B16QTH1	9		7	8	6.5	7	6.5		8	7.5	Báý pháý Nàm		
79	162330836	Trương Quang	Sanh	B16QTH1	9		8	8.5	8.5	6.5	7.5		7	7.8	Báý pháý Tằm		
80	162330838	Lê Chí	Tâm	B16QTH1	7.5		6	6	7	7	7		8	7.0	Báý		
81	162330839	Phan Thị	Tâm	B16QTH1	10		7	8	7	7	7.5		7.5	7.8	Báý pháý Tằm		
82	162330841	Trần Anh	Tâm	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
83	162330842	Trương Đình	Tân	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
84	162330847	Trịnh Công	Thanh	B16QTH1	8		0	7	6.5	0	7		7	5.3	Nằm pháp Ba		
85	162330849	Võ Văn	Thanh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
86	162330853	Hà Đình	Thảo	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
87	162330858	Nguyễn Thị Xuân	Thảo	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
88	162330863	Dương Đình	Thiện	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
89	162330871	Phan Thị Bích	Thuận	B16QTH1	10		7	8	7	7	7.5		7.5	7.8	Bay pháp Tầm		
90	162330872	Dương Thị Thu	Thùy	B16QTH1	9		7	7	8	7.5	8		7.5	7.7	Bay pháp Bay		
91	162330879	Hoàng Thị Bích	Thương	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
92	162330884	Phạm Nguyên	Tĩnh	B16QTH1	7		7	0	6	0	6		6	4.5	Bất pháp Nằm		
93	162330887	Hoàng Nguyễn Diệu	Trang	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
94	162330888	Ngô Thị Kiều	Trang	B16QTH1	10		7.5	8	8	8	9		7.5	8.3	Tầm pháp Ba		
95	162330891	Phạm Thị Huyền	Trang	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
96	162330897	Nguyễn Minh	Trí	B16QTH1	9		0	7	6.5	7	7		7	6.5	Sâu pháp Nằm		
97	162330898	Nguyễn Trọng	Trình	B16QTH1	8		7	6.5	6.5	7	7		6	6.8	Sâu pháp Tầm		
98	162330902	Trương Ngọc	Trung	B16QTH1	7		7	7	7	7	6		6	6.7	Sâu pháp Bay		
99	162330910	Hà Minh	Tuấn	B16QTH1	8		0	7.5	7	7	6.5		7	6.5	Sâu pháp Nằm		
100	162330911	Nguyễn Hồ Hoàng	Tuấn	B16QTH1	7		0	7	0	7	6		6.5	5.1	Nằm pháp Mất		
101	162330912	Phạm Minh	Tuấn	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
102	162330913	Phan Anh	Tuấn	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
103	162330914	Ngô Văn	Tùng	B16QTH1	9		7.5	7	4	7	7.5		7	7.0	Bay		
104	162330915	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
105	162330916	Lê Thị Cát	Tường	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
106	162330919	Nguyễn Thanh	Văn	B16QTH1	10		7.5	8	6.5	7	7		7	7.6	Bay pháp Sâu		
107	162330923	Trần Thành	Ván	B16QTH1	8		6.5	0	5	7	7		7	5.8	Nằm pháp Tầm		
108	162330926	Huỳnh Đức	Vinh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
109	162330927	Nguyễn Quang	Vinh	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
110	162330929	Đặng Quang	Võ	B16QTH1	9.5		7	6.5	5	7	6		7	6.9	Sâu pháp Chên		
111	162330930	Hoàng Nguyễn	Vũ	B16QTH1	9.5		7	6	4	7	7		6.5	6.7	Sâu pháp Bay		
112	162330931	Lê Hoàng	Vũ	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
113	162330933	Trương Đình	Vũ	B16QTH1	10		9	7.5	6	7.5	7		8	7.9	Bay pháp Chên		
114	162330934	Trần Doãn	Vượng	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
115	162330935	Lê Nguyễn Hà	Vy	B16QTH1	9		7	7.5	7	8	7		7	7.5	Bay pháp Nằm		
116	162330940	Phạm Thị Ánh	Xinh	B16QTH1	10		7	7	7.5	7	7.5		7.5	7.7	Bay pháp Bay		
117	162330941	Bùi Thị Ánh	Xuân	B16QTH1	9		7	7.5	7	7	7		7	7.4	Bay pháp Bất		
118	162330942	Mai Thị Hoàng	Yến	B16QTH1	10		7	7	6.5	7	7.5		7	7.4	Bay pháp Bất		
119	162330864	Phan Thị	Thiện	B16QTH1	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
120	162310412	Nguyễn Thị Thanh	Sang	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
121	162320245	Trần Thị Kim	Anh	B16QTH2	10		8	6.5	7	9.5	8		8.5	8.3	Tầm pháp Ba		
122	162320249	Phạm Thị Lệ	Diễm	B16QTH2	10		7.5	8.5	8	9	8.5		8.5	8.6	Tầm pháp Sâu		
123	162320281	Vũ Thị Thanh	Huyền	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
124	162320292	Hoàng Ái	Linh	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
125	162330653	Nguyễn Hữu	An	B16QTH2	10		7	8	5.5	8.5	7		7	7.6	Bay pháp Sâu		
126	162330656	Nguyễn Thị Kim	Anh	B16QTH2	6		7	6.5	6	8.5	6.5		8	7.0	Bay		

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
127	162330658	Phạm Thị Huyền	Anh	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
128	162330665	Văn Công	Bình	B16QTH2	6		6	7	7	5.5	6		5	6.0	Sầu		
129	162330671	Đặng Thị Kim	Chung	B16QTH2	10		8	7.5	7.5	8.5	8.5		8.5	8.4	Tầm pháp Bấu		
130	162330672	Đoàn Ngọc	Chung	B16QTH2	7		8	6	7.5	7.5	7.5		8	7.4	Báý pháp Bấu		
131	162330675	Trần Quân	Cường	B16QTH2	6		6	6	7.5	7	6.5		7	6.6	Sầu pháp Sầu		
132	162330680	Nguyễn Thị	Diệu	B16QTH2	9		7.5	8	8.5	9.5	7.5		9	8.6	Tầm pháp Sầu		
133	162330682	Nguyễn Thị Thùy	Dung	B16QTH2	8		7	7	9	7	8		8.5	7.9	Báý pháp Chên		
134	162330683	Trần Thị	Dung	B16QTH2	10		8	8.5	7	8	8.5		8	8.3	Tầm pháp Ba		
135	162330684	Hoàng Tiến	Dũng	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
136	162330686	Nguyễn Long	Duy	B16QTH2	10		8.5	7.5	6	8.5	7.5		8	8.0	Tầm		
137	162330687	Phan Tiến	Duy	B16QTH2	6		7	6.5	6.5	6.5	6.5		7	6.6	Sầu pháp Sầu		
138	162330688	Mai Thị	Duyên	B16QTH2	10		8.5	7	7.5	8.5	9		7.5	8.2	Tầm pháp Hai		
139	162330692	Nguyễn Duy	Đạt	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
140	162330694	Vô Thành	Đạt	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
141	162330695	Lê Văn	Đô	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
142	162330697	Hoàng Minh	Đức	B16QTH2	7		5	5.5	5.5	7	7.5		7	6.4	Sầu pháp Bấu		
143	162330698	Nguyễn Quang	Đức	B16QTH2	9		6	3	5	4.5	6		5	5.4	Nằm pháp Bấu		
144	162330700	Lê Thị Hồng	Gấm	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
145	162330702	Nguyễn Thị Trà	Giang	B16QTH2	9		8.5	8.5	7	8.5	7		9	8.3	Tầm pháp Ba		
146	162330703	Nguyễn Hữu	Hà	B16QTH2	7		6	3.5	6.5	6	7		7	6.2	Sầu pháp Hai		
147	162330704	Nguyễn Thị	Hà	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
148	162330705	Trần Thu	Hà	B16QTH2	10		8.5	8	8	9.5	7.5		8.5	8.6	Tầm pháp Sầu		
149	162330708	Nguyễn Thị Minh	Hải	B16QTH2	10		8	7.5	7	8.5	7.5		8.5	8.2	Tầm pháp Hai		
150	162330709	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	B16QTH2	7		8	8.5	8.5	6.5	7		7.5	7.6	Báý pháp Sầu		
151	162330712	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
152	162330714	Vô Thị	Hiền	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
153	162330716	Dương Chí	Hiếu	B16QTH2	10		7	7.5	8	8.5	7		7	7.9	Báý pháp Chên		
154	162330723	Trần Văn	Hòa	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
155	162330724	Nguyễn Văn	Hoài	B16QTH2	6		8	7	7	7	7.5		8	7.2	Báý pháp Hai		
156	162330725	Phan Văn	Hoàn	B16QTH2	7		6	7.5	7	6.5	6.5		7	6.9	Sầu pháp Chên		
157	162330729	Nguyễn Trọng	Hoàng	B16QTH2	10		5	6.5	6	8	7		7.5	7.3	Báý pháp Ba		
158	162330731	Trương Khánh	Hoàng	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
159	162330733	Nguyễn Thị	Huệ	B16QTH2	10		8.5	8	9	9.5	7.5		8	8.7	Tầm pháp Báý		
160	162330736	Nguyễn Thanh	Hùng	B16QTH2	10		7.5	7	7.5	8	7.5		7.5	7.9	Báý pháp Chên		
161	162330737	Vô Sỹ	Hùng	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
162	162330745	Nguyễn Thiện	Khiêm	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
163	162330746	Nguyễn Trung	Khoa	B16QTH2	4		6	5	6.5	8.5	6.5		5	5.9	Nằm pháp Chên		
164	162330750	Phan Chí	Kiên	B16QTH2	10		7.5	8	7	7.5	7.5		7.5	7.9	Báý pháp Chên		
165	162330751	Ngô Minh	Kỳ	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
166	162330753	Đào Ngọc Thu	Lan	B16QTH2	9		8.5	7	9	6.5	7		8.5	8.0	Tầm		
167	162330754	Huỳnh Thị	Lâm	B16QTH2	9		9	9.5	9	10	9		9	9.2	Chên pháp Hai		
168	162330755	Phan Đức	Lâm	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
169	162330766	Phạm Văn	Luận	B16QTH2	10		8.5	7.5	7.5	8	8		7.5	8.1	Tầm pháp Mất		

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
170	162330773	Hồ Đức	Mạnh	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
171	162330777	Lê Trọng	Minh	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
172	162330778	Phạm Văn	Minh	B16QTH2	7		6	7	6	8.5	6.5		7.5	7.0	Báý		
173	162330780	Võ Thị Diệu	My	B16QTH2	7		6.5	7	5	6.5	8		8	6.9	Saũ pháý Chên		
174	162330782	Ngô Pô	Na	B16QTH2	5		8	6.5	6	8.5	7		7.5	6.9	Saũ pháý Chên		
175	162330785	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
176	162330788	Hoàng Thị	Ngà	B16QTH2	10		9	8	7	7.5	9		8.5	8.4	Taĩm pháý Bảú		
177	162330789	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngân	B16QTH2	9		7.5	7.5	8.5	10	7.5		8	8.4	Taĩm pháý Bảú		
178	162330793	Huỳnh Văn	Ngọc	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
179	162330797	Trần Thị Như	Ngọc	B16QTH2	7		7	8.5	7.5	7.5	8.5		8.5	7.8	Báý pháý Taĩm		
180	162330800	Trần Thị Thu	Nguyệt	B16QTH2	8		8.5	7.5	7.5	4.5	8.5		7	7.2	Báý pháý Hai		
181	162330805	Trương Thị Trinh	Nữ	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
182	162330806	Lê Thị Kim	Oanh	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
183	162330808	Trịnh Thị	Oanh	B16QTH2	10		7.5	7.5	7	9	7.5		8	8.1	Taĩm pháý Mảú		
184	162330809	Ngô Tấn Như	Phúc	B16QTH2	7		5	6	7	6	5		8	6.5	Saũ pháý Nàm		
185	162330810	Đình Văn	Phước	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
186	162330812	Hoàng Thị	Phương	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
187	162330813	Hoàng Văn	Phương	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng		
188	162330819	Văn Hoàng	Phương	B16QTH2	10		8	7.5	8.5	9	7.5		7	8.2	Taĩm pháý Hai		
189	162330824	Võ Trần Phương	Quân	B16QTH2	7		6.5	8	9	9.5	7		8	8.0	Taĩm		
190	162330826	Trương Ngọc	Quý	B16QTH2	9		5	5	6.5	8.5	8		7.5	7.2	Báý pháý Hai		
191	162330829	Phan Nhã	Quyên	B16QTH2	9		8.5	6.5	7.5	9	8		7	7.9	Báý pháý Chên		
192	162330837	Nguyễn Văn	Sơn	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
193	162330840	Phan Thị Linh	Tâm	B16QTH2	10		8.5	8	7.5	8.5	7.5		9.5	8.6	Taĩm pháý Saũ		
194	162330843	Hồ Văn	Tây	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
195	162330844	Đỗ Ngọc Đan	Thanh	B16QTH2	8		7	6	5	9	7		7.5	7.1	Báý pháý Mảú		
196	162330845	Huỳnh Thanh	Thanh	B16QTH2	10		8.5	8.5	7	9	8		8	8.4	Taĩm pháý Bảú		
197	162330850	Đặng Quốc	Thành	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
198	162330856	Nguyễn Thị Phương	Thảo	B16QTH2	9		9	9	6.5	8.5	8		9	8.5	Taĩm pháý Nàm		
199	162330859	Trần Phương	Thảo	B16QTH2	9		7.5	8	7	8	7.5		8.5	8.0	Taĩm		
200	162330860	Hồ Thị	Thắm	B16QTH2	10		8.5	7.5	9	9	8		7.5	8.5	Taĩm pháý Nàm		
201	162330862	Nguyễn Thành	Thi	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
202	162330866	Đàm Vĩnh Gia	Thịnh	B16QTH2	9		8.5	8.5	7.5	7.5	8		8.5	8.2	Taĩm pháý Hai		
203	162330867	Lê Tiến	Thịnh	B16QTH2	8		7	7.5	9	8.5	7.5		7	7.8	Báý pháý Taĩm		
204	162330868	Lương Quốc	Thịnh	B16QTH2	10		7	7	8	9	8		7	8.0	Taĩm		
205	162330870	Hồ Văn	Thuận	B16QTH2	10		8	8.5	7.5	9.5	7.5		8	8.5	Taĩm pháý Nàm		
206	162330873	Hồ Thị	Thùy	B16QTH2	10		8.5	8	8.5	9	8.5		8	8.6	Taĩm pháý Saũ		
207	162330874	Bùi Thị Thanh	Thùy	B16QTH2	8		8	8	7	7	8		7.5	7.6	Báý pháý Saũ		
208	162330875	Nguyễn Thị	Thủy	B16QTH2	10		9	8.5	8.5	8.5	9		8	8.7	Taĩm pháý Báý		
209	162330877	Bùi Thị	Thúy	B16QTH2	9		6.5	8	8.5	6.5	8		8	7.9	Báý pháý Chên		
210	162330878	Nguyễn Thị Thu	Thúy	B16QTH2	8		8.5	8	5.5	8.5	8		7.5	7.7	Báý pháý Báý		
211	162330880	Nguyễn Thị	Thương	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
212	162330881	Nguyễn Thị Hồng	Thương	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	BÀI 1	BÀI 2	BÀI 3	BÀI 4	BÀI 5	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		10	15	15	15	10		20	100			
213	162330886	Đỗ Thi Minh	Trang	B16QTH2	10		6	6.5	5.5	8	7		7	7.2	Baý pháp Hai		
214	162330889	Nguyễn Thị Hoài	Trang	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
215	162330890	Nguyễn Thị Uyên	Trang	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
216	162330894	Vũ Thị	Trang	B16QTH2	10		8.5	8	6.5	9	9		7.5	8.3	Taĩm pháp Ba		
217	162330895	Lê Thị Nữ	Trâm	B16QTH2	10		8	7.5	7	8.5	7.5		8	8.1	Taĩm pháp Mẫi		
218	162330899	Võ Thị Kim	Trinh	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
219	162330903	Võ Minh	Trung	B16QTH2	10		8.5	6.5	8.5	8	8		8	8.2	Taĩm pháp Hai		
220	162330905	Hoàng Kim Anh	Tú	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
221	162330908	Nguyễn Hữu	Tuân	B16QTH2	10		8	7	7	6	7		7	7.4	Baý pháp Bẫi		
222	162330909	Bùi Duy	Tuấn	B16QTH2	5		4	5	4.5	0	0		0	2.6	Hai pháp Sẫi		
223	162330920	Đậu Thị Tú	Vân	B16QTH2	8		8.5	7	8.5	9	9		8.5	8.3	Taĩm pháp Ba		
224	162330922	Nguyễn Thị Thanh	Vân	B16QTH2	8		7.5	6	5	8.5	7		8	7.2	Baý pháp Hai		
225	162330925	Nguyễn Thế Hoàng	Việt	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
226	162330928	Phan Quang	Vĩnh	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
227	162330932	Lê Ngọc	Vũ	B16QTH2	6		6	6	6.5	6	7		7	6.4	Sẫi pháp Bẫi		
228	162330936	Nguyễn Thị Bích	Vy	B16QTH2	9		8	8.5	6.5	6.5	7		8.5	7.8	Baý pháp Taĩm		
229	162330937	Trần Vương Ái	Vy	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
230	162330938	Đoàn Ngọc Hoàng	Vỹ	B16QTH2	10		6.5	8.5	7.5	7	8		7.5	7.9	Baý pháp Chẽn		
231	162330943	Nguyễn Thị	Yến	B16QTH2	0		0	0	0	0	0		0	0.0	Khăng	HP	
232	162330944	Nguyễn Thị Bảo	Yến	B16QTH2	9		7.5	7.5	6.5	8	8		8	7.8	Baý pháp Taĩm		
233	162410950	Phương Lang	Chi	B16QTH2	10		7.5	8	7.5	9.5	8		8.5	8.5	Taĩm pháp Nàm		
234	162520606	Phạm Quang	Thái	B16QTH2	8		5.5	7	7.5	9	7.5		7	7.4	Baý pháp Bẫi		
1	142327119	Trần Thị	Thanh	B14KTH2	7		7	7	0	6	8		7.5	6.0	Sẫi	5755/116	
2	142327107	Nguyễn Hoài	Phương	B14KTH2	10		8	7.5	5.5	8.5	7.5		7.5	7.8	Baý pháp Taĩm	4901	
3	142337482	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	B14QTH2	7		7	8	6.5	8	7		7.5	7.3	Baý pháp Ba	QĐ 192	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	152	64%	
2	Số sinh viên nợ	85	36%	
TỔNG CỘNG :		237	100%	

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2011

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

TTĐT TỪ XA & T.XUYỀN

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

TS. Hồ Văn Nhân

ThS. Nguyễn Hữu Phú

6/6